

THÔNG BÁO

**Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện
tại phiên họp đột xuất tháng 11/2022**

Thực hiện Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Chương trình công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện năm 2022.

Chiều ngày 08/11/2022, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện đã tổ chức phiên họp đột xuất tháng 11/2022 để bàn bạc, thống nhất một số nội dung thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Thường trực HĐND huyện. Tham dự phiên họp có 04/05 đồng chí Thường trực Hội đồng nhân dân huyện; lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện tham mưu công tác Hội đồng.

Sau khi nghe ý kiến trao đổi, thảo luận tại phiên họp, bà Lê Thị Thanh Mai - Chủ tịch HĐND huyện, chủ trì kết luận như sau:

Trên cơ sở Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 19/10/2022 của UBND huyện Đak Pơ về việc đề nghị Thường trực HĐND huyện quyết định phương án phân bổ sử dụng số tăng thu và tiết kiệm một số nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương năm 2022; Công văn số 52/CV-KTXH ngày 07/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện về việc thẩm tra Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 19/10/2022 của UBND huyện. Thống nhất phương án phân bổ sử dụng số tăng thu và tiết kiệm một số nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

I. Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện năm 2022 sử dụng: 2.270,40 triệu đồng, bao gồm:

1. Điều chỉnh giảm một số nhiệm vụ chi chưa thực hiện, thực hiện không hết nguồn và điều chỉnh giảm dự toán một số đơn vị đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã giao với tổng dự toán: 1.670,40 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm một số nhiệm vụ chi:
 - + Kinh phí hỗ trợ đường nội đồng: 120,00 triệu đồng.
 - + Chi hỗ trợ cánh đồng kỹ thuật: 200,00 triệu đồng.
 - + Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 800, triệu đồng
- Điều chỉnh giảm dự toán của các cơ quan, đơn vị: 550,40 triệu đồng.

2. Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện năm 2022 (số tăng thu thực hiện so với dự toán thu tính đến ngày 14/10/2022) sau khi để lại 70% để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: 600,00 triệu đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Tăng dự toán trong nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2022 từ nguồn giảm dự toán các nhiệm vụ khác và từ nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện

Bổ sung dự toán chi thường xuyên cho ngân sách cấp xã với tổng số tiền: 2.270,40 triệu đồng để thực hiện Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND chi phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; kinh phí khoán kinh phí hoạt động hằng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Trên đây là thông báo Kết luận phiên họp đột xuất tháng 11 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/cáo);
- Các đ/c TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Phòng TCKH;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- TT. HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Đ/c Hòa.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thanh Mai



PHỤ LỤC I
CÁT GIẢM, ĐIỀU CHỈNH NHIỆM VỤ CHI NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 234/TB-HĐND ngày 08/11/2022 của Thường trực HĐND huyện Đăk Pơ
ĐVT: 1.000 đồng)

STT	Nội dung	Giảm dự toán tại đơn vị đã được giao dự toán	Số tiền
I	Điều chỉnh giảm một số nhiệm vụ chi		1.120.000
1	Sự nghiệp giao thông		120.000
	Kinh phí hỗ trợ đường nội đồng	NS huyện	120.000
2	Sự nghiệp nông nghiệp		200.000
	Chi hỗ trợ cánh đồng kỹ thuật	NS huyện	200.000
3	Sự nghiệp thủy lợi		800.000
	Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	NS huyện	800.000
II	Điều chỉnh giảm dự toán của các cơ quan, đơn vị		550.400
1	Quản lý hành chính		268.830
a	Kinh phí đặc thù (các hoạt động của Thường trực Huyện ủy, hội nghị, bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô, chi khác...)	Văn phòng Huyện ủy	150.000
b	Kinh phí tổ chức cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2022"		4.080
c	Các nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế: Khám sức khỏe tuyển sinh quân sự, Khám sức khỏe NVQS, khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí của Ban quân dân y	Văn phòng HĐND & UBND huyện	20.000
d	Kinh phí hoạt động BCĐ Chuyển đổi số	Phòng Văn hóa - Thông tin	3.370
e	Thay thế thiết bị đảm bảo kết nối hạ tầng truyền thông ngành Tài chính phục vụ TABMIS	Phòng Tài chính-Kế hoạch	40.000
d	Kinh phí mừng thọ tròn 90 tuổi, tròn 100 tuổi	Phòng Lao động Thương binh và XH	15.800
e	Đại hội đại biểu nhiệm kỳ 2022-2027, tham gia đại hội cấp tỉnh; tổ chức các hoạt động cấp huyện, tham gia hoạt động cấp tỉnh, hội nghị.	BCH Huyện đoàn	15.780
f	Kinh phí tổ chức các hội thi, hội nghị, phổ biến giáo dục pháp luật, dự lễ tuyên thệ chiến sỹ mới, giám sát....	BCH Hội LH Phụ nữ	1.000
g	Tổ chức các hoạt động phong trào, hội nghị,...	BCH Hội Nông dân	18.800
2	Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin		156.200
a	BCĐ phong trào TDDKXDĐSVH	Phòng Văn hóa - Thông tin	3.600
b	Chi tổ chức kỷ niệm 67 năm chiến thắng Đak Pơ		21.100
c	Bảo tồn di tích hòn đá Ông Nhạc		100.000

STT	Nội dung	Giảm dự toán tại đơn vị đã được giao dự toán	Số tiền
d	Đề án chỉnh lý tài liệu tồn đọng giai đoạn 2004-2016	Phòng Nội vụ	30.000
e	Kinh phí hoạt động Hội trường huyện: hoạt động thường xuyên, mua sắm ..	Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao	1.500
3	Đảm bảo xã hội		18.300
a	Kinh phí tổ chức ngày Thương binh liệt sỹ	Phòng Lao động	3.300
b	Kinh phí tổ chức tập huấn nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH	Thương binh và XH	15.000
c	Chi hoạt động thường xuyên cho Đền tưởng niệm: Nhang đèn, hoa quả; trồng, chăm sóc cây xanh,....	Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao	10.000
4	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình		4.800
a	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản, hỗ trợ thêm chi phí sản xuất chương trình, tuyên truyền,...	Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao	4.800
5	Sự nghiệp khoa học - công nghệ		60.000
a	Vốn đối ứng Dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	60.000
6	Sự nghiệp kinh tế		42.270
a	Sự nghiệp nông nghiệp		42.270
	Phun hóa chất, tiêm vắc xin lở mồm long móng, dại, tụ huyết trùng, Viêm da nổi cục trâu bò ...	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	42.270
	Tổng cộng		1.670.400

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng.

PHỤ LỤC III
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC BỔ SUNG DỰ TOÁN

(Kèm theo Thông báo số: 231/TB-HĐND ngày 08/11/2022 của Thường trực HĐND huyện Đắk Pơ)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị được giao dự toán	Số tiền	Ghi chú
	Chi thường xuyên		2.270.400	
1	Quản lý hành chính		2.270.400	
1.1	Phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động	Xã Hà Tam	209.800	
1.2	không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân	Xã An Thành	240.200	
1.3	phố; KP bồi dưỡng hằng tháng đối với	Thị trấn Đắk Pơ	306.900	
1.4	người trực tiếp tham gia công việc ở thôn;	Xã Tân An	423.300	
1.5	KP khoán kinh phí hoạt động hằng tháng	Xã Cư An	300.000	
1.6	của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã	Xã Phú An	219.500	
1.7	theo Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND	Xã Yang Bắc	344.100	
1.8		Xã Ya Hội	226.600	
	Tổng cộng		2.270.400	

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng.



PHỤ LỤC II

BẢNG TÍNH NGUỒN TĂNG THU NĂM 2022 (Ngân sách cấp huyện) đến 14/10/2022

(Kèm theo Thông báo số: 231/TB-HĐND ngày 08/11/2022 của Thường trực HĐND huyện Dak Pô)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	DT giao năm 2022	Số thu đến ngày	Tăng thu TH 2022/DT 2022
A	B	1	2	3=2-1
I	Nguồn thu được hưởng	19.391,0	24.674,730	5.283,7
1	Thuế GTGT	10.246,0	9.004,8	(1.241,2)
2	Thuế TNDN	400,0	289,0	(111,0)
3	Thuế tiêu thu đặc biệt			0,0
4	Thuế tài nguyên	100,0	163,7	63,7
5	Thuế môn bài			0,0
6	Lệ phí trước bạ	1.720,0	4.355,0	2.635,0
7	Thu khác ngoài quốc doanh		9,8	9,8
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,0	7,4	(2,6)
9	Thuế nhà đất			0,0
10	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	200,0	1.489,5	1.289,5
11	Thuế thu nhập cá nhân	720,0	1.019,3	299,3
12	Thu phạt ATGT	0,0		0,0
13	Phí, lệ phí	745,0	229,2	(515,8)
14	Tiền sử dụng đất	4.500,0	7.512,4	3.012,4
15	Thu khác ngân sách	750,0	594,7	(155,3)
16	Các khoản huy động đóng góp			
17	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0,0		0,0
II	Những khoản loại trừ	4.500,0	7.543,45	3.043,45
1	Tiền sử dụng đất (1400)	4.500,0	7.512,40	3.012,4
2	Thu từ quỹ đất công ích			
3	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, nước thải (2618; 2624; 2625)		31,05	31,05
4	Thu hồi các khoản chi năm trước			
III	Số tăng thu (I-II)	14.891,0	17.131,28	2.240,28
1	70% tạo nguồn CCTL			1.568,2
2	30% còn lại được sử dụng			672,1